TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 24

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số liền sau của số liền trước số 42 là:

A. 41 **B.** 43 **C.** 42 **D.** 40

Câu 2. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 1, 9, 5 là:

A. 95 **B.** 91 **C.** 99 **D.** 15

Câu 3. Thùng thứ nhất có 70 l nước, thùng thứ hai có 62 l nước. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số lít nước là:

A. 9 l **B.** 7 l **C.** 8 l **D.** 18 l

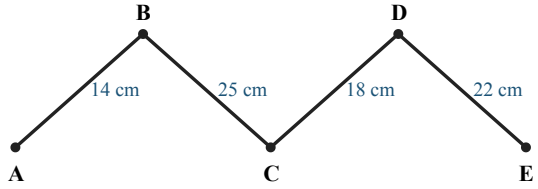
Câu 4. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 58 + 14 − 27 …… 25 + 14 + 8

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. 5 dm + 30 cm = …… cm

A. 90 **B.** 35 **C.** 80 **D.** 79

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:



A. 79 cm **B.** 89 cm **C.** 69 cm **D.** 57 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 31 + 15 − 8 …… 49 − 24 + 19

b) 77 + 9 − 35 …… 29 + 27 − 5

c) 63 − 34 + 20 …… 52

d) 3 dm …… 27 cm

Bài 2. Tính:

a) 67 − 32 + 9 = ……

b) 59 + 24 − 21 = ……

c) 73 + 20 − 7 = ……

d) 26 l + 23 l − 27 l = …… l

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 54 − 28 = 36	
b) Trong phép trừ 61 − 16 = 45, số 16 là hiệu	
c) Trong phép trừ 61 − 16 = 45, số 61 là số bị trừ	
d) 5 dm = 5 cm	

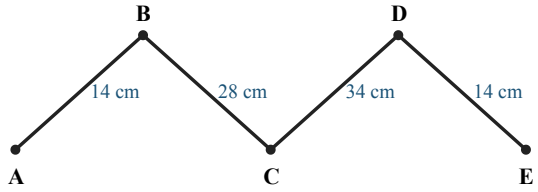
Bài 4. Ngày 3 tháng 12 là thứ Hai. Biết tháng 12 có 31 ngày. Viết vào chỗ chấm:

a) Ngày 6 tháng 12 là thứ ……

b) Tháng 12 năm đó có …… ngày Chủ nhật

c) Ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày ……

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Bao thứ nhất có 69 kg gạo. Người ta lấy từ bao thứ nhất ra 28 kg rồi đổ thêm vào đó 29 kg gạo. Hỏi bao thứ nhất lúc này có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Sau khi lấy ra, bao còn: …… kg

b) Lúc này bao có: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 24

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	C	B	C	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 38 < 44

b) 51 = 51

c) 49 < 52

d) 30 cm > 27 cm

Bài 2.

a) 67 − 32 = 35; 35 + 9 = 44

b) 59 + 24 = 83; 83 − 21 = 62

c) 73 + 20 = 93; 93 − 7 = 86

d) 26 + 23 = 49; 49 − 27 = 22

Bài 3.

a) S; b) S; c) Đ; d) S

Bài 4.

a) Đếm thêm từ ngày 3 (thứ Hai) đến ngày 6: thứ Năm

b) Các ngày Chủ nhật: 2, 9, 16, 23, 30: có 5 ngày

c) Ngày 30

Bài 5.

a) 14 + 28 + 34 + 14 = 90 (cm)

b) 90 cm = 9 dm

Bài 6.

69 − 28 = 41 (kg)

41 + 29 = 70 (kg)